

THÔNG BÁO

**Về việc phát hành Bản tin “Thông tin thuốc Quý 4 năm 2025”
(Lưu hành nội bộ)**

Căn cứ Quyết định 50/QĐ-TTYT ngày 13/1/2021 về việc kiện toàn Đơn vị thông tin thuốc;

Căn cứ các Thông tin thuốc trên các tài liệu/tạp chí y tế và tình hình sử dụng thuốc tại TTYT Hoài Nhơn, Đơn vị thông tin thuốc thông báo phát hành Bản tin “Thông tin thuốc Quý 4 năm 2025” (*đính kèm Bản Tin*).

Để đảm bảo cung cấp thông tin thuốc phục vụ cho nhu cầu tra cứu và cập nhật một số khuyến cáo cảnh giác được trong điều trị bằng thuốc, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn đề nghị:

- Trưởng các khoa, phòng phổ biến nội dung bản tin trên bằng hình thức linh hoạt, phù hợp đến toàn thể nhân viên y tế tại Khoa, Phòng mình quản lý để nắm bắt thông tin và áp dụng trong công tác chuyên môn.

- Đơn vị Thông tin thuốc in tập và treo tại khu vực Bản tin Thông tin thuốc của Trung tâm Y tế để các Khoa, Phòng thuận tiện theo dõi.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các khoa, phòng;
- Lãnh đạo TTYT;
- Đăng tải trang TTĐT của TTYT Hoài Nhơn;
- Lưu: VT, ĐVTTT, KD-VT, TBYT.

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Vinh

TRUNG TÂM Y TẾ HOÀI NHƠN
KHOA DƯỢC – VT, TBYT

BẢN TIN
QUÝ 4 NĂM 2025



THÔNG TIN THUỐC

Đại diện ĐVTTT

Khoa Dược

Lãnh Đạo

DS Nguyễn Đình Cường DS Cao Thanh Toàn

Năm 2025
(Lưu hành nội bộ)

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	Trang
CHỈ ĐẠO NỘI DUNG DSCK 1: Cao Thanh Toàn	ĐIỂM TIN	1
	Health Canada: Hoàn tất việc đánh giá nguy cơ nhược cơ liên quan đến các statin	1
	Cảnh báo sai sót thuốc tiêm Acid tranexamic (ISMP Canada)	1
	ANSES: Nguy cơ tăng huyết áp khi lạm dụng cam thảo	1
	EMA: Các khuyến cáo mới về chỉ định của kháng sinh azithromycin từ Ủy ban thuốc sử dụng cho người (CHMP)	2
	AN TOÀN DÙNG THUỐC	3
	An toàn sử dụng thuốc cho bệnh nhân mạn tính khi nhập viện	3
	Hướng dẫn sử dụng bút tiêm Humulin 30/70 Kwikpen	4
	THÔNG TIN THUỐC MỚI	5
	Corneil - 5	5
BAN BIÊN TẬP Đơn vị TTT- DLS Ths.DS Nguyễn Đình Cường DS. Nguyễn Thị Vân	Flustad 75	7
	Linanrex	9
	Medivernol 1g	11
	Sadapron	13
	Veltaron	16
	Nitramyl 0.3	19
	THÔNG TIN CẢNH BÁO, THU HỒI THUỐC	21
	Thông báo thu hồi dược liệu Ý dĩ không đạt tiêu chuẩn chất lượng	21
	Thông báo thu hồi thuốc Pyfaclor Kid (số Giấy đăng ký lưu hành: VD-26427- 17) do vi phạm mức độ 2	22
	Thông báo thu hồi mẫu viên nén PAINEURON 15 (Meloxicam 15mg) không đạt tiêu chuẩn chất lượng	23
Lưu hành nội bộ	Thông báo thu hồi thuốc viên nén Hurmat 25mg vi phạm mức độ 3	

ĐIỂM TIN

Health Canada: Hoàn tất việc đánh giá nguy cơ nhược cơ liên quan đến các statin

Nhân viên y tế: Tất cả các statin (atorvastatin, rosuvastatin, simvastatin...) đều có thể gây nhược cơ, kể cả nhược cơ mắt. Đã ghi nhận các trường hợp tái phát triệu chứng khi đổi sang statin khác, chứng tỏ đây là tác dụng phụ chung của cả nhóm. Vì vậy cần theo dõi triệu chứng yếu cơ, mỏi cơ ở bệnh nhân đang dùng statin và bổ sung cảnh báo này vào tờ thông tin thuốc.

Người bệnh: Khi đang uống thuốc hạ mỡ máu (statin) mà thấy hiện tượng sụp mí, mỏi mắt, yếu cơ, cần báo ngay cho bác sĩ. Không nên tự ý ngưng thuốc mà phải để bác sĩ điều chỉnh.

Nguồn: <https://canhgiacduoc.org.vn/CanhGiacDuoc/DiemTin/5713/health-canada-hoan-tat-viec-danh-gia-nguy-co-nhuoc-co-mat-lien-quan-statin.htm>

Cảnh báo sai sót thuốc tiêm Acid tranexamic (ISMP Canada)

Nhân viên y tế: Acid tranexamic được tiêm tĩnh mạch, nhưng có thể bị nhầm lẫn với thuốc gây mê khi bảo quản trong phòng mổ do hình dạng lọ giống nhau. Nếu tiêm nhầm vào tủy sống sẽ gây độc thần kinh nặng, tỷ lệ tử vong khoảng 50%

hoặc để lại di chứng liệt vĩnh viễn. Do đó, cần tách biệt bảo quản, dán nhãn rõ ràng, và nhắc nhở nhân viên tại các khoa phẫu thuật – thủ thuật.

Người bệnh: Đây là thuốc chỉ dùng trong bệnh viện. Nếu dùng sai có thể nguy hiểm tính mạng. Tuy nhiên, người bệnh yên tâm vì bệnh viện đã có biện pháp kiểm soát để tránh nhầm lẫn và bảo đảm an toàn.

Nguồn:

<https://canhgiacduoc.org.vn/CanhGiacDuoc/DiemTin/5712/Canh-bao-sai-sot-thuoc-tiem-acid-tranexamic.htm>

ANSES: Nguy cơ tăng huyết áp khi lạm dụng cam thảo

Nhân viên y tế: Cam thảo chứa acid glycyrrhizinic, nếu dùng nhiều và thường xuyên có thể gây hạ kali máu, tăng huyết áp và biến cố tim mạch. Đối tượng nguy cơ cao là phụ nữ mang thai, người có bệnh tim mạch, gan, thận. Ngoài ra, cam thảo có thể tương tác với các thuốc như lợi tiểu, digoxin, corticoid... Do đó, cần hỏi bệnh nhân về việc sử dụng trà, kẹo, siro hoặc thực phẩm bổ sung chứa cam thảo.

Người bệnh: Không nên lạm dụng các sản phẩm có chứa cam thảo như trà thảo mộc, kẹo, siro ho, thực phẩm bổ sung. Người bị cao huyết áp, bệnh tim, gan, thận, phụ nữ có thai hoặc cho con bú càng cần

hạn chế. Nếu đang dùng thuốc điều trị, nên báo cho bác sĩ biết việc có sử dụng sản phẩm chứa cam thảo.

Nguồn:<https://canhgiacduoc.org.vn/CanhGiacDuoc/DiemTin/5686/anses-nguy-co-tang-huyet-ap-khi-lam-dung-cam-thao.htm>

có chỉ định chính xác của bác sĩ và tuyệt đối không tự ý mua về uống.

Nguồn:<https://canhgiacduoc.org.vn/CanhGiacDuoc/DiemTin/5671/cap-nhat-cac-khuyen-cao-moi-ve-azithromycin-tu-chmp.htm>

EMA: Các khuyến cáo mới về chỉ định của kháng sinh azithromycin từ Ủy ban thuốc sử dụng cho người (CHMP)

Nhân viên y tế: Ủy ban thuốc EMA đã khuyến cáo không dùng azithromycin đường uống cho một số chỉ định trước đây như mụn trứng cá mức độ trung bình, tiết trừ *H. pylori*, dự phòng hen (có hoặc không kèm tăng bạch cầu ái toan). Nguyên nhân là nguy cơ kháng thuốc ngày càng tăng. Hiện nay, azithromycin chỉ nên dùng cho các nhiễm khuẩn hô hấp, bệnh lây qua đường tình dục, nhiễm khuẩn phụ khoa, răng miệng và nhiễm *Mycobacterium* ở bệnh nhân HIV khi thật sự cần thiết. Cần cân nhắc lợi ích – nguy cơ, dịch tễ kháng thuốc tại địa phương và cập nhật cảnh báo vào tờ thông tin sản phẩm.

Người bệnh: Azithromycin là kháng sinh mạnh, trước đây được dùng khá rộng rãi. Nay thuốc này không còn được khuyến cáo cho mụn trứng cá, đau dạ dày do *H. pylori* hay dự phòng hen nữa. Người bệnh chỉ nên dùng thuốc khi

AN TOÀN DÙNG THUỐC

AN TOÀN DÙNG THUỐC CHO NGƯỜI BỆNH MẠN TÍNH KHI NHẬP VIỆN

Các nhóm bệnh mạn tính thường gặp

- Tăng huyết áp
- Đái tháo đường
- COPD, hen phế quản
- Bệnh tim mạch
- Viêm khớp, thoái hoá khớp
- Bệnh thận mạn

1. Vì sao cần quan tâm đến an toàn dùng thuốc?



- Bệnh nhân mạn tính thường dùng nhiều loại thuốc (đa thuốc)
- Nguy cơ “tương tác thuốc”, “quên liều”, “trùng hoạt chất”.
- Sai sót dùng thuốc có thể gây biến chứng nặng, kéo dài điều trị, tăng chi phí

2. Các sai sót thường gặp khi nhập viện

Không khai báo đủ các thuốc đang dùng (kể cả thuốc nam, thực phẩm chức năng)

Dùng thuốc cũ song song với thuốc mới tại bệnh viện

Không biết cách dùng thuốc dạng hít, thuốc tiêm dưới da

Dùng sai liều do thay đổi thuốc biệt dược khác nhau

3. Vai trò của điều dưỡng và nhân viên y tế

- Thu thập tiền sử dùng thuốc kỹ lưỡng khi người bệnh vào nhập viện
- Giải thích rõ các thuốc mới, lý do thay đổi thuốc
- Hướng dẫn bệnh nhân** cách dùng thuốc đúng- đặc biệt thuốc dạng hít, insulin, kháng đông...
- Theo dõi tác dụng phụ và tương tác các thuốc trong quá trình nằm viện

3. Vai trò của bệnh nhân và người nhà

- Mang theo đầy đủ danh sách thuốc đang sử dụng hoặc vỏ hộp thuốc (nếu thuốc hết) khi nhập viện
- Hỏi lại** nếu chưa rõ công dụng hay cách dùng thuốc
- Không tự ý ngừng hoặc dùng lại thuốc cũ
- Báo cho nhân viên y tế khi có dấu hiệu bất thường sau dùng thuốc

An toàn dùng thuốc – Trách nhiệm chung của nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BÚT TIÊM HUMULIN 30/70 KWIKPEN

1. Chuẩn bị trước khi tiêm

- Rửa tay sạch.
- Lấy bút ra khỏi tủ lạnh, để ở nhiệt độ phòng khoảng 10–15 phút.
- Kiểm tra hạn dùng và nhãn thuốc.
- Quan sát thuốc: Humulin 30/70 là hỗn dịch, cần **lắc/đảo nhẹ** trước khi tiêm:
 - + Lắc bút giữa hai lòng bàn tay 10 lần.
 - + Nghiêng lên xuống 10 lần đến khi dịch đồng nhất, đục như sữa.

2. Lắp kim và thử liều

- Tháo nắp bút, gắn kim tiêm mới.
- Tháo nắp kim bảo vệ ngoài và trong.
- **Thử kim:** xoay nút chỉnh liều 2 đơn vị, giữ bút hướng lên trên, ấn nút tiêm → thấy giọt insulin ở đầu kim (đảm bảo bút hoạt động tốt).

3. Cài đặt liều tiêm

- Xoay nút liều đúng số đơn vị bác sĩ kê (thường 10–40 đơn vị).
- Không xoay ngược quá mạnh để tránh hỏng bút.

4. Vị trí và cách tiêm

- Chọn vùng: bụng (cách rốn ≥ 2 cm), mặt ngoài đùi, cánh tay, mông.
- Luân phiên vị trí để tránh loạn dưỡng mỡ.
- Đâm kim vào da góc 90° (nếu gầy thì 45°).
- Ấn nút tiêm hết cỡ, giữ kim trong da **đếm chậm 10 giây**.
- Rút kim ra thẳng góc.

5. Sau khi tiêm

- Vặn bỏ kim đã dùng vào hộp an toàn (không tái sử dụng).
- Đậy nắp bút lại, bảo quản ở nhiệt độ phòng ($< 30^\circ\text{C}$), tránh ánh nắng, tối đa 28 ngày.
- Bút chưa mở: giữ trong ngăn mát ($2-8^\circ\text{C}$), không để đông đá.

LƯU Ý

- Tiêm **trước bữa ăn chính ngay lập tức (0–15 phút)**.
- Không chia sẻ bút với người khác.
- Không để kim gắn sẵn trên bút sau tiêm (dễ tắc nghẽn, nhiễm trùng).
- Mang theo kẹo/đường để xử trí khi hạ đường huyết.
- Nếu quên tiêm → hỏi ý kiến bác sĩ, **KHÔNG TỰ TIÊM BÙ GẤP ĐÓI**

THÔNG TIN THUỐC MỚI

CORNEIL -5

1. Hoạt chất: Bisoprolol 5mg

2. Dạng bào chế: Viên nén bao phim

3. Chỉ định:

- Điều trị đơn độc hoặc phối hợp ở những bệnh nhân chẩn đoán là cao huyết áp hoặc bị đau thắt ngực.

- Điều trị hỗ trợ ở những bệnh nhân bị chẩn đoán là suy tim mạn tính thể ổn định đi kèm với đó là tình trạng giảm chức năng của tâm thu và thất trái..

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng của thuốc Corneil 5 ở mỗi bệnh nhân là khác nhau và cần phải được điều chỉnh tùy vào đáp ứng của từng bệnh nhân cũng như sự dung nạp. Việc điều chỉnh liều cần được xem xét cách nhau mỗi 2 tuần.

* Người trưởng thành bị đau thắt ngực:

- Liều dùng thông thường được khuyến cáo là từ 1 – 2 viên Corneil 5, ngày uống 1 lần.

- Liều lượng tối đa là 4 viên/ngày và cần tiến hành giảm liều cũng như khoảng cách giữa các liều ở người bị suy thận hoặc gan.

* Suy tim mạn thể ổn định cần điều trị theo liệu trình như sau:

- Dùng ¼ viên/lần x 1 lần/ngày vào mỗi buổi sáng trong 1 tuần đầu tiên. Trong trường hợp bệnh nhân dung nạp tốt thì tiến hành tăng liều điều trị.

- Dùng ½ viên/lần x 1 lần/ngày vào mỗi buổi sáng trong 1 tuần tiếp theo. Trong trường hợp bệnh nhân dung nạp tốt thì tiến hành tăng liều điều trị.

- Dùng 1 viên/lần x 1 lần/ngày trong 4 tuần tiếp theo. Trong trường hợp bệnh nhân dung nạp tốt thì tiến hành tăng liều điều trị.

- Dùng 7,5mg/lần x 1 lần/ngày trong 4 tuần tiếp theo. Trong trường hợp bệnh nhân dung nạp tốt thì tiến hành tăng liều điều trị.

- Uống 2 viên/lần x 1 lần/ngày để điều trị duy trì lâu dài.

- Sau khi bệnh nhân uống liều thuốc đầu tiên, bác sĩ cần theo dõi sát sao tình trạng của bệnh nhân trong vòng 4 giờ để có những biện pháp xử trí thích hợp.

- Liều tối đa là 2 viên/ngày.

Liều điều chỉnh cần được tiến hành theo đáp ứng lâm sàng của bệnh nhân. Ở một số bệnh nhân có thể sẽ xuất hiện một số hiện tượng không dung nạp hoặc xảy ra phản ứng không mong muốn nên không thể đạt được liều dùng tối đa như lộ trình trên. Tiến hành giảm liều dùng dần dần nếu cần thiết. Có thể phải dừng điều trị sau đó tiến hành bắt đầu lại từ đầu. Nếu tình trạng suy tim có hiện tượng trở nặng thì cần phải giảm liều thậm chí là ngừng điều trị với thuốc ngay lập tức.

Không có dữ kiện điều trị cho trẻ em.

Người lớn tuổi: Không cần điều chỉnh liều.

Bệnh nhân suy gan hoặc suy thận: Tùy vào tình trạng bệnh mà sẽ có liều lượng dùng cụ thể.

5. Chống chỉ định:

Chống chỉ định sử dụng thuốc cho người quá mẫn với bất cứ thành phần nào của Corneil 5.

6. Tương tác thuốc:

- Không được dùng phối hợp với các thuốc chẹn Beta khác.
- Cần đặc biệt thận trọng và theo dõi y tế chặt chẽ khi phối hợp với các thuốc làm tiêu hao Catecholamin.
- Khi kết hợp với các thuốc ức chế men chuyển hoặc chẹn kênh Calci, cần lưu ý đến nguy cơ tăng tác dụng hạ áp và nhịp tim của Bisoprolol.

7. Tác dụng phụ:

- Huyết áp – tim mạch: Nhịp tim bất thường, suy tim hoặc làm nặng hơn tình trạng suy tim, rối loạn truyền nhĩ – thất.
- Tiêu hóa: Buồn nôn, táo bón, tiêu chảy,...
- Thần kinh: tê các đầu chi, mệt mỏi, chóng mặt hoặc tình trạng nhưê đầu, rối loạn giấc ngủ, trầm cảm.
- Hô hấp: Co thắt phế quản ở những bệnh nhân có tiền sử phổi – phế quản mạn tính.
- Thính giác: Rối loạn thính giác.
- Thị giác: Tăng tiết nước mắt hoặc viêm kết mạc.
- Tiết niệu – sinh dục: Rối loạn cương dương.

8. Chú ý đề phòng:

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai và bà mẹ đang cho con bú: Không nên sử dụng thuốc trên đối tượng này.

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe: Không ảnh hưởng với đối tượng này khi dùng thuốc.

Tài liệu tham khảo: Trích tờ hướng dẫn sử dụng thuốc **CORNEIL -5**

FLUSTAD 75

1. Hoạt chất: Oseltamivir75 mg

2. Dạng bào chế: Viên nang cứng.

3. Chỉ định:

- Điều trị cúm ở người lớn và trẻ em (kể cả trẻ sơ sinh đủ tháng).

- Phòng ngừa cúm ở người lớn và trẻ em ≥ 1 tuổi (> 40 kg) sau khi tiếp xúc với người nhiễm cúm (trường hợp ngoại lệ như chủng virus đang lây lan không phải chủng virus trong vaccine và khi có đại dịch, có thể cân nhắc phòng ngừa theo mùa).

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng

- Dùng trong điều trị: người lớn và trẻ em từ 1 tuổi trở lên uống 75 mg x 2 lần/ngày trong 5 ngày (10 ngày ở người lớn bị suy giảm miễn dịch).

- Dùng để phòng ngừa sau khi tiếp xúc gần với người nhiễm cúm: 75 mg x 1 lần/ngày trong 10 ngày.

- Phòng ngừa khi có dịch cúm trong cộng đồng:

+ Người lớn và thanh thiếu niên ≥ 13 tuổi: 75 mg x 1 lần/ngày trong 6 tuần (12 tuần ở người suy giảm miễn dịch).

+ Trẻ < 12 tuổi: Chưa có nghiên cứu.

+ Suy thận: Chỉnh liều cho người lớn và thanh thiếu niên (13 – 17 tuổi) suy thận vừa hoặc nặng.

Cách dùng: uống nguyên cả viên thuốc với lượng nước vừa đủ, tránh bẻ, nghiền thuốc.

4. Chống chỉ định:

Không sử dụng thuốc cho người dị ứng, có tiền sử quá mẫn với Oseltamivir.

5. Tương tác thuốc:

Flustad 75 gắn với Protein huyết tương thấp, không phụ thuộc chuyển hóa vào CYP450 và hệ thống glucuronidase nên ít gặp tương tác có ý nghĩa lâm sàng với các thuốc dùng đường uống. Người bệnh vẫn nên thông báo với bác sĩ về các thuốc mình đang dùng trước đó.

6. Tác dụng phụ:

Trong quá trình điều trị, người dùng có thể gặp một số tác dụng không mong muốn:

- Thường gặp: Người dùng gặp tình trạng tăng ho, tiết đờm, khô khè, buồn nôn, đau đầu.

- Ít gặp: Người dùng có thể cảm thấy đau cánh tay, đau ngực, đau lưng, đầy hơi, tiêu chảy, sưng mắt, nhịp tim nhanh, khàn tiếng, giảm cân bất thường,...

Nếu trong quá trình sử dụng người bệnh gặp phải các tác dụng không mong muốn ở tần suất nhiều, nghiêm trọng thì nên ngưng dùng thuốc và liên hệ bác sĩ để nhận được xử trí kịp thời.

7. Chú ý đề phòng:

- Flustad 75 chỉ có tác dụng với bệnh do virus cúm gây ra.

- Flustad 75 không thể thay thế vaccine cúm.

- Cần cập nhật tính nhạy cảm của các chủng virus cúm đang lưu hành trước khi kê đơn thuốc.

- Thuốc sử dụng cho trẻ trên 1 tuổi.

- Các biến cố trên thần kinh đã được báo cáo ở bệnh nhân bị cúm dùng oseltamivir, đặc biệt là ở trẻ em và thanh thiếu niên. Những biến cố này cũng được ghi nhận bởi bệnh nhân bị cúm mà không dùng oseltamivir. Bệnh nhân cần được theo dõi chặt chẽ các dấu hiệu hành vi bất thường, cũng như đánh giá về lợi ích và nguy cơ của việc tiếp tục điều trị trên từng bệnh nhân.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai và đang cho con bú: chưa có nghiên cứu đầy đủ. Chỉ nên dùng khi thật sự cần thiết

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe: Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc của người bệnh.

Tài liệu tham khảo: *Trích từ hướng dẫn sử dụng thuốc FLUSTAD 75*

LINANREX

1. Hoạt chất:

- Nor-epinephrin (Nor- adrenalin): 1mg/1ml
- Tá dược vừa đủ

2. Dạng bào chế: Dung dịch tiêm

3. Chỉ định: Thuốc được chỉ định trong các trường hợp cấp tính:

- Tụt huyết áp hay bị sốc với cung lượng tim bình thường hoặc cao: chỉ định như một thuốc phụ để điều trị huyết áp thấp vẫn kéo dài trong sốc sau khi đã được bồi phụ dịch đầy đủ.

- Kéo dài tác dụng gây tê.

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng

- Người bệnh có cân nặng 60kg dùng liều 0,72mg/giờ; 1,8mg/giờ; 3,6mg/giờ; 7,2mg/giờ

- Người bệnh có cân nặng 70kg dùng liều lượng 0,84mg/giờ; 2,1mg/giờ; 4,2mg/giờ; 8,4mg/giờ.

- Người bệnh có cân nặng 80kg dùng liều lượng 0,96mg/giờ; 2,4mg/giờ; 4,8mg/giờ.

Cần tiếp tục điều trị bằng Linanrex cho đến khi đạt và duy trì được huyết áp thích hợp và sự tưới máu cần thiết cho mô. Trong trường hợp trụy mạch do nhồi máu cơ tim cấp, có khi liệu trình điều trị phải kéo dài tới 6 ngày.

Khi ngừng điều trị, phải giảm tốc độ truyền một cách từ từ. Cần theo dõi bệnh nhân thật chặt chẽ và nếu huyết áp lại tụt nhanh thì có thể phải điều trị lặp lại lần nữa. Chỉ khi nào huyết áp tâm thu giảm tới mức 70 - 80 mmHg mới tiến hành điều trị lại.

Sử dụng cho trẻ em: An toàn và hiệu quả của thuốc với trẻ em chưa được xác định.

Sử dụng cho người cao tuổi: bệnh nhân cao tuổi khi lựa chọn liều cần thận trọng, thường bắt đầu từ liều thấp nhất. Không nên dùng thuốc vào các tĩnh mạch trong chân ở người bệnh cao tuổi.

Cách dùng:

Thuốc được dùng để tiêm truyền

4. Chống chỉ định:

Không dùng cho người mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc

5. Tương tác thuốc:

- Các loại thuốc chống trầm cảm ba vòng, thuốc kháng histamin như diphehydramin, dexchlorpheniramin, tipeleennamin, và các alcaloid nấm cựa gà sử dụng theo đường tiêm, methyl dopa hoặc guanethidin có thể làm tăng tác dụng của Linanrex, dẫn tới huyết áp tăng quá cao và kéo dài.

- Thuốc lợi tiểu có thể làm giảm tác dụng tăng huyết áp của Linanrex.

- Digitalis có thể làm tăng tính nhạy cảm của cơ tim đối với tác dụng của Linanrex. Trong đó thuốc gây mê nhóm halogen hoặc cyclopropan làm tăng kích thích cơ tim và có thể gây loạn nhịp tim nếu sử dụng đồng thời với Linanrex.

- Sử dụng đồng thời thuốc Linanrex với các thuốc ức chế monoamin oxydase có thể gây ra những cơn tăng huyết áp nghiêm trọng và kéo dài.

6. Tác dụng phụ:

- Nhức đầu, mệt mỏi, hoa mắt chóng mặt.

- Đau vùng trước ngực, đánh trống ngực, nhịp tim chậm.

- Khó thở.

- Đau sau ức hoặc đau họng.

- Run đầu chi, lo âu.

Báo ngay cho bác sĩ các phản ứng phụ gặp phải để có biện pháp xử trí kịp thời.

7. Chú ý đề phòng:

Lưu ý khi sử dụng cho một số đối tượng đặc biệt:

- **Dùng cho phụ nữ có thai và cho con bú:** Thận trọng khi sử dụng cho phụ nữ mang thai và cho con bú. Tham khảo ý kiến của bác sĩ trước khi sử dụng.

- **Người lái xe:** Thận trọng khi sử dụng cho đối tượng lái xe và vận hành máy móc nặng, do có thể gây ra cảm giác chóng mặt, mất điều hòa, ..

- **Người già:** Cần tham khảo ý kiến của bác sĩ khi sử dụng liều lượng cho người trên 65 tuổi.

- **Trẻ em:** Để xa tầm tay trẻ em

Một số đối tượng khác: Lưu ý khi sử dụng cho người mẫn cảm với các thành phần của thuốc

Tài liệu tham khảo: Trích từ hướng dẫn sử dụng thuốc **LINANREX**

MEDIVERNOL 1G

1. Hoạt chất:

Ceftriaxone sodium1g

2. Dạng bào chế: Bột pha tiêm

3. Chỉ định:

Dùng để điều trị các nhiễm khuẩn nặng như:

- Viêm phổi cộng đồng và bệnh viện
- Viêm màng não do vi khuẩn
- Nhiễm trùng huyết
- Nhiễm trùng ổ bụng, đường tiết niệu, xương khớp
- Bệnh lậu, giang mai
- Nhiễm trùng da, mô mềm, tai mũi họng

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng

- Người lớn và trẻ em trên 40kg:

1– 2g/ngày, tiêm 1 lần hoặc chia đều làm 2 lần.

Trường hợp nặng có thể dùng đến 4g/ngày.

Để dự phòng trong phẫu thuật: tiêm bắp hay tiêm tĩnh mạch 1 liều duy nhất 1g từ 30– 120 phút trước khi phẫu thuật.

- Trẻ em:

50– 75mg/kg/ngày, tiêm 1 lần hoặc chia đều làm 2 lần. Tổng liều không vượt quá 2g mỗi ngày.

- Trẻ sơ sinh:

Liều lượng 50mg/kg/ngày.

Viêm màng não: liều khởi đầu là 100mg/kg (không quá 4 gam). Sau đó tổng liều mỗi ngày: 100mg/kg, tiêm 1 lần/ngày trong thời gian 7– 14 ngày.

Cách dùng: Tiêm, truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp.

4. Chống chỉ định:

- Dị ứng với cephalosporin.
- Trẻ sơ sinh thiếu tháng.

- Thận trọng với người suy thận.
- Tiền sử dị ứng với penicillin vì có thể dị ứng chéo.

5. Tương tác thuốc:

- Cloramphenicol: Khi phối hợp với Ceftriaxone, in vitro có tính đối kháng.
- Khả năng độc với thận của các Cephalosporin có thể bị tăng bởi Gentamicin, Colistin, Furosemid.
- Probenecid không ảnh hưởng độ thanh thải qua thận của Ceftriaxone.
- Tránh dùng đồng thời Ceftriaxone với các muối calci (tiêm truyền) và dung dịch tiêm Ringer lactat.
- Ceftriaxone có thể làm tăng tác dụng của các thuốc đối kháng vitamin K.
- Hiệu lực của Ceftriaxone có thể tăng khi dùng đồng thời với các tác nhân gây Acid Uric niệu.
- Ceftriaxone có thể giảm tác dụng của vắc xin thương hàn.

6. Tác dụng phụ:

- Rối loạn tiêu hóa: buồn nôn, tiêu chảy
- Phản ứng tại chỗ tiêm: sưng, đau
- Tăng men gan, nổi mề đay, ban đỏ
- Hiếm: sốc phản vệ, thiếu máu, bội nhiễm nấm

7. Chú ý đề phòng:

- Trước khi bắt đầu điều trị bằng Ceftriaxone, phải điều tra kỹ về tiền sử dị ứng của người bệnh với cephalosporin, penicilin hoặc thuốc khác.
- Có nguy cơ dị ứng chéo ở những người bệnh dị ứng với penicilin.
- Với người bệnh bị suy giảm đáng kể cả chức năng thận và gan, liều Ceftriaxone không nên vượt quá 2 g/ngày nếu không theo dõi được chặt chẽ nồng độ thuốc trong huyết tương.
- Thận trọng khi điều trị kéo dài quá 14 ngày; khi mất nước do nguy cơ Ceftriaxone kết tủa trong túi mật.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai: chưa có nghiên cứu đầy đủ. Chỉ nên dùng khi thật sự cần thiết

Phụ nữ đang cho con bú: Thuốc bài tiết qua sữa ở nồng độ thấp, cần thận trọng khi dùng thuốc cho người đang cho con bú.

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe hoặc vận hành máy móc: Trong quá trình điều trị bằng Ceftriaxone, các tác dụng không mong muốn có thể xảy ra (ví dụ như chóng mặt), có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe và sử dụng máy móc. Bệnh nhân nên thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

Tài liệu tham khảo: Trích tờ hướng dẫn sử dụng thuốc **MEDIVERNOL 1G**

SADAPRON

1. Hoạt chất:

Allopurinol.....100mg

Tá dược: povidon, đường lactose, croscarmellose sodium, tinh bột, aerosil.

2. Dạng bào chế: Viên nén

3. Chỉ định:

Điều trị các bệnh lý liên quan đến sự lắng đọng tinh thể urat/ acid uric, cụ thể là:

- Tăng acid uric trong máu thứ phát - nguyên phát.
- Hỗ trợ điều trị bệnh Gút cấp và mãn tính.
- Phòng ngừa bệnh thận do acid uric trong quá trình điều trị hóa trị hoặc xạ trị bệnh ung thư và bạch cầu.
- Dự phòng tái phát vảy nến và sỏi thận.
- Kiểm soát sỏi cặn canxi ở những người bị tăng acid uric niệu.

4. Liều dùng và cách dùng:

- Người lớn và trẻ em >15 tuổi điều trị gút và các chứng tăng acid uric trong máu: Gút nhẹ: 100 – 300mg/ ngày. Gút nặng: 400 - 600mg/ngày. Trường hợp đặc biệt: 600 – 900mg/ ngày.

- Điều trị ung thư: 600-800mg/ngày.
- Đối với bệnh nhân suy thận nặng: không quá 100mg/ngày.
- Điều trị dự phòng bệnh thận do acid uric: 600-800mg/ngày, dùng liên tục 2 - 3 ngày.
- Điều trị bệnh vảy nến: 100-400mg/ngày.
- Kiểm soát sỏi thận do canxi: 200-300 mg/ngày.
- Trẻ em 6 - 15 tuổi: 100mg/ngày x 2 - 3 lần/ngày.

Mặc dù, thuốc Sadapron 100 có thể sử dụng với trẻ em, nhưng thuốc rất hiếm khi chỉ định dùng cho trẻ em, ngoại trừ trường hợp bệnh ung thư ác tính.

4. Chống chỉ định:

Người bị dị ứng với thành phần Allopurinol hoặc thành phần khác có trong thuốc.

5. Tương tác thuốc:

Nhiều thuốc tương tác với sadapron và không nên dùng đồng thời. Tuy nhiên, một số có thể dùng đồng thời với sự thận trọng đặc biệt. Trong trường hợp này, bác sĩ của bạn có thể thay đổi liều hoặc áp dụng biện pháp phòng ngừa. Nếu bạn sắp dùng sadapron, bạn nên báo cho bác sĩ hoặc dược sĩ bạn có đang dùng thuốc khác và nhất là những thuốc sau đây hay không: Mercaptopurin, azathioprin, vidarabin, salicylat, các thuốc làm tăng acid uric niệu, chlorpropamid, các thuốc chống đông máu, phenytoin, theophyllin, ampicillin, amoxiclin, cyclophosphamid, doxorubicin, procarbazin, mechloroethamin, cyclosporin, bleomycin.

6. Tác dụng phụ:

- Nổi mẩn ngứa, da mọc nốt sần.
- Bong tróc da, vảy nến.
- Da nhiễm độc hoại tử.
- Sốt, ớn lạnh.
- Tăng giảm bệnh cầu
- Đau nhức các khớp, viêm khớp.
- Viêm mạch máu.

7. Chú ý đề phòng:

Thận trọng sử dụng cho người suy giảm chức năng gan thận nặng như tiểu đường, suy gan, sử dụng thuốc lợi tiểu, suy tim,... thường xuyên theo dõi các chỉ số sau khi dùng.

Không dùng thuốc Sadapron 100mg khi có dấu hiệu tăng acid uric không có triệu chứng. Thay vào đó, người bệnh chỉ cần thay đổi chế độ ăn và kiểm soát tốt các nguyên nhân gây bệnh.

Nếu trong quá trình điều trị mà xuất hiện triệu chứng bệnh gút trầm trọng, vẫn có thể tiếp tục sử dụng thuốc kết hợp với thuốc kháng viêm khác tối thiểu 1 tháng.

Dùng thuốc Sadapron 100mg trong thời gian dài có nguy cơ làm tăng nồng độ xanthin trong nước tiểu dẫn đến lắng đọng xanthin ở thận. Giải pháp tốt nhất là cần uống nhiều nước để phân giải xanthin ra ngoài.

Buồn ngủ, chóng mặt, mệt mỏi là tác dụng phụ thuốc, do vậy không dùng thuốc khi tham gia giao thông, vận hành.

Thuốc có thể làm ảnh hưởng đến niệu quản, bởi do làm tan các khối sỏi thận.

Thuốc Sadapron 100 mg có chứa thành phần lactose, vậy nên không chỉ định cho người không dung nạp thành phần này.

Không tự ý ngừng sử dụng thuốc ngay cả khi bạn cảm thấy đỡ hơn vì không dùng đúng liều lượng và thời gian có thể khiến bệnh trở nặng và khó điều trị.

Thành phần của thuốc có thể bài tiết qua sữa mẹ, vậy nên, nếu đang cho con bú mẹ cần tham khảo kỹ ý kiến bác sĩ chuyên môn.

Không sử dụng rượu bia khi uống thuốc vì có thể làm bệnh trở nên nghiêm trọng hơn.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai: không có tác dụng độc nào trên thai nhi. Chỉ được dùng khi có chỉ định rõ ràng.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ đang cho con bú: Allopurinol được bài tiết qua sữa người. Dùng thận trọng khi cho con bú.

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe: Không có thông tin.

Tài liệu tham khảo: Trích tờ hướng dẫn sử dụng thuốc **SADAPRON**

VELTARON

1. Hoạt chất:

Diclofenac natri 100 mg

Thành phần tá dược vđ:1 viên

2. Dạng bào chế: Viên đạn đặt trực tràng.

3. Chỉ định: Điều trị ngắn hạn trong những trường hợp viêm đau cấp tính như trong các chuyên khoa tai mũi họng, răng hàm mặt, sản phụ khoa ... và cơn đau bụng kinh, sau chấn thương hoặc phẫu thuật, cơn migraine, đau trong hội chứng cột sống, thấp ngoài khớp.

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng

- Người lớn:

+ Dùng 1 lần mỗi ngày, thường là vào ban đêm. Khi cần thiết, có thể kết hợp các dạng thuốc viên đến tổng liều tối đa 150 mg diclofenac/ngày.

+ Trong thống kinh nguyên phát, liều hàng ngày tùy theo từng người, thường 50 – 150 mg. Đầu tiên, nên dùng 50 – 100 mg, nếu cần thiết, tăng liều vào các chu kỳ kinh nguyệt sau cho đến tối đa 150 mg/ngày.

+ Điều trị các cơn đau nhức nửa đầu với Veltaron, nên bắt đầu dùng liều 100 mg khi có dấu hiệu đầu tiên cơn đau sắp xảy ra. Nếu cần, có thể dùng các viên thuốc đạn cho đến liều 50 mg vào cùng ngày. Nếu bệnh nhân cần điều trị tiếp vào các ngày sau, liều tối đa mỗi ngày nên giới hạn đến 150 mg.

- Trẻ em (1 – 12 tuổi): Veltaron không thích hợp sử dụng ở trẻ em.

Cách dùng:

Không được dùng bằng đường uống, chỉ dùng qua đường trực tràng.

Thuốc nên được đặt sâu vào trực tràng và dùng thuốc sau khi đại tiện.

Nên để thuốc vào tủ lạnh (4 – 10°C) trong khoảng 5 – 10 phút trước khi sử dụng.

4. Chống chỉ định:

- Loét dạ dày tá tràng.

- Quá mẫn đã biết với hoạt chất hay tá dược của thuốc.

- Như các kháng viêm không steroid khác, Diclofenac potassium không được chỉ định cho bệnh nhân có cơn hen, nổi mề đay hay viêm xoang cấp do tác dụng

của acid acetylsalicylic hay những thuốc khác có hoạt tính ức chế tổng hợp prostaglandin.

5. Tương tác thuốc:

Không nên dùng diclofenac phối hợp với:

- Thuốc chống đông theo đường uống và heparin: Nguy cơ gây xuất huyết nặng.

- Diclofenac và các thuốc chống viêm không steroid khác có thể làm tăng tác dụng phụ lên hệ thần kinh trung ương của kháng sinh nhóm quinolone.

- Aspirin hoặc glucocorticoid: Làm giảm nồng độ diclofenac trong huyết tương và làm tăng nguy cơ cũng như làm tăng nghiêm trọng tổn thương dạ dày - ruột.

- Dùng diflunisal đồng thời với diclofenac có thể làm tăng nồng độ diclofenac trong huyết tương, làm giảm độ thanh lọc diclofenac và có thể gây chảy máu rất nặng ở đường tiêu hóa. Diclofenac có thể làm tăng nồng độ lithi trong huyết thanh đến mức gây độc.

- Diclofenac có thể làm tăng nồng độ digoxin trong huyết thanh và kéo dài thời gian bán thải của digoxin.

- Dùng cùng diclofenac làm tăng nguy cơ chảy máu.

- Dụng cụ tránh thai đặt trong tử cung: Có tài liệu nói dùng diclofenac làm mất tác dụng tránh thai.

- Diclofenac làm tăng độc tính của methotrexat.

6. Tác dụng phụ:

Buồn nôn, loạn vị giác, đau bụng, táo bón, viêm dạ dày, nôn, khô miệng, tăng động

Khô, kích ứng, hồng ban, teo da, mất màu da, tăng ra mồ hôi và nốt phỏng phồng, ngứa, tăng động

7. Chú ý đề phòng:

Người có tiền sử loét, chảy máu hoặc thủng đường tiêu hóa.

Người bệnh suy thận, suy gan, bị lupus ban đỏ toàn thân.

Người bệnh tăng huyết áp hay bệnh tim có ứ nước hoặc phù.

Người có tiền sử bệnh gan. Cần theo dõi chức năng gan thường kỳ khi điều trị dài ngày bằng diclofenac.

Người có tiền sử rối loạn đông máu, chảy máu.

Trẻ em: Không thích hợp dùng ở trẻ em.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai: Không nên dùng thuốc trong ba tháng cuối thai kỳ (nguy cơ ức chế tử cung co bóp và làm ống động mạch đóng sớm, gây tăng áp lực tiểu tuần hoàn không hồi phục, suy thận ở thai).

Phụ nữ đang cho con bú: Bài tiết qua sữa mẹ rất ít. Có thể dùng đôi tượng này

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe: không ảnh hưởng đôi tượng này.

Tài liệu tham khảo: Trích tờ hướng dẫn sử dụng thuốc **VELTARON**

NITRAMYL 0.3

1. Hoạt chất:

Glyceryl trinitrat..... 0,3 mg

2. Dạng bào chế: Viên nén đặt dưới lưỡi

3. Chỉ định:

- Phòng ngừa các cơn đau thắt ngực.
- Điều trị bệnh suy tim toàn bộ hoặc suy tim trái nặng.

4. Liều dùng và cách dùng:

Liều dùng

- Trường hợp dùng để phòng cơn đau thắt ngực: Liều 2 - 3 viên/ ngày x 2-3 lần/ ngày.

- Trường hợp dùng để điều trị hỗ trợ trong bệnh suy tim toàn bộ hay suy tim trái nặng: Liều 2 - 4 viên x 2 - 3 lần/ngày.

Cách dùng:

Viên nén đặt dưới lưỡi Không nên bẻ, nhai hoặc nghiền nát thuốc Nitralmyl.

4. Chống chỉ định:

- Người bị huyết áp thấp;
- Người bị trụy tim mạch;
- Người bị thiếu máu nặng;
- Người bị tăng áp lực nội sọ do xuất huyết não hoặc chấn thương đầu;
- Người bị nhồi máu cơ tim thất phải;
- Người bị hẹp van động mạch chủ;
- Người bị bệnh cơ tim phì đại tắc nghẽn;
- Người bị viêm màng ngoài tim co thắt;
- Người bị Glôcôm góc đóng.

5. Tương tác thuốc:

Nitralmyl có thể xảy ra phản ứng tương tác thuốc nếu kết hợp cùng với:

Thuốc chống tăng huyết áp;

Thuốc giãn mạch;

Thuốc lợi tiểu.

6. Tác dụng phụ: Khi dùng thuốc Nitralmyl, người bệnh có thể gặp tác dụng không mong muốn như: Tăng tiết dịch; Tăng nhãn áp; Tăng áp lực nội sọ, đau đầu; Hạ huyết áp thể đứng; Choáng váng; Chóng mặt; Viêm da tróc vảy; Rối loạn tiêu hoá; Tim đập nhanh; Buồn nôn; Ngất; Mất vị giác.

7. Chú ý đề phòng:

Cần thận trọng khi sử dụng thuốc Nitralmyl cho người bị suy gan, suy thận nặng.

Tuyệt đối không sử dụng khi thuốc Nitralmyl có dấu hiệu bị đổi màu, mốc, chảy nước hay hết hạn dùng.

Lưu ý khi dùng với phụ nữ có thai: khuyến cáo không nên dùng, chỉ nên sử dụng nếu lợi ích lớn hơn nguy cơ

Phụ nữ đang cho con bú: khuyến cáo không nên dùng, chỉ nên sử dụng nếu lợi ích lớn hơn nguy cơ

Lưu ý khi dùng thuốc với người lái xe: Cần thận trọng khi sử dụng thuốc.

Tài liệu tham khảo: Trích tờ hướng dẫn sử dụng thuốc **NITRAMYL 0.3**

THÔNG TIN BỔ SUNG, THU HỒI THUỐC

Thông báo thu hồi dược liệu Ý dĩ không đạt tiêu chuẩn chất lượng

Thực hiện Công văn số 3491/SYT-NVD ngày 24/11/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc thông báo thu hồi dược liệu Ý dĩ không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Trung tâm Y tế Hoài Nhơn thông báo cho các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT về việc thông báo thu hồi toàn bộ lô dược liệu Ý dĩ do Phòng chẩn trị Y học cổ truyền (Y sĩ Lương Mạnh Tuấn) kinh doanh (Địa chỉ: thôn Chợ, xã Xuân Vân, tỉnh Tuyên Quang; Số lô: Không có; Nơi sản xuất: không có; Hạn dùng: không có; Số đăng ký: không có) không rõ nguồn gốc, xuất xứ và không đạt tiêu chuẩn chất lượng các chỉ tiêu “Mô tả” và “Định tính” theo Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V đã vi phạm chất lượng mức độ 1.

Theo đó, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn yêu cầu các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT Không mua, bán hoặc sử dụng dược liệu Ý dĩ nêu trên; Tiến hành thu hồi trả về nhà cung ứng, phân phối thuốc theo quy định (nếu có); Khi phát hiện lô thuốc trên lưu hành trên thị trường, đề nghị thông báo ngay đến Sở Y tế và các cơ quan liên quan để kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định./.

Thông báo thu hồi thuốc Pyfaclor Kid (số Giấy đăng ký lưu hành: VD-26427-17) do vi phạm mức độ 2

Thực hiện **Công văn số 2812/SYT-NVD ngày 30/09/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai** về việc thu hồi thuốc Pyfaclor Kid (số Giấy đăng ký lưu hành: VD-26427-17) do vi phạm mức độ 2.

Trung tâm Y tế Hoài Nhơn thông báo cho các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT về việc thông báo Thu hồi trên phạm vi toàn tỉnh lô thuốc Cốm pha hỗn dịch uống Pyfaclor Kid (Cefaclor 125mg), Số GĐKLH: VD-26427-17, Số lô: 410923 NSX: 13/09/2023 HD: 13/09/2026 do Công ty cổ phần dược phẩm Pymepharco sản xuất. Lý do thu hồi: Lô thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Tính chất, Định lượng (vi phạm mức độ 2).

Theo đó, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn yêu cầu các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT Tiến hành thu hồi trả về nhà cung ứng, phân phối thuốc theo quy định (nếu có); Khi phát hiện lô thuốc trên lưu hành trên thị trường, đề nghị thông báo ngay đến Sở Y tế và các cơ quan liên quan để kịp thời kiểm tra, xử lý theo quy định./.

**Thông báo thu hồi mẫu viên nén PAINEURON 15 (Meloxicam 15mg)
không đạt tiêu chuẩn chất lượng**

Thực hiện Công văn số 2568/SYT-NVD ngày 22/09/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc mẫu viên nén PAINEURON 15 (Meloxicam 15mg) không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn thông báo cho các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT về việc thông báo thu hồi trên phạm vi toàn tỉnh Viên nén PAINEURON 15 (Meloxicam 15mg); Số đăng ký: VD-32650-19; Số lô: 83222; Ngày sản xuất: 250423; Hạn dùng: 240426; Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco. Mẫu thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Độ hòa tan (vi phạm mức độ 3).

Theo đó, Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn yêu cầu các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT không được buôn bán, sử dụng sản phẩm nêu trên. Nếu phát hiện cần kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Y tế (số điện thoại: 0256.3792836)/.

Thông báo thu hồi thuốc viên nén Hurmat 25mg vi phạm mức độ 3

Thực hiện Công văn số 2304/SYT-NVD ngày 11/9/2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc thông báo thu hồi thuốc vi phạm mức độ 3.

Trung tâm Y tế Hoài Nhơn thông báo cho các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT về việc thu hồi trên phạm vi toàn tỉnh thuốc Viên nén Hurmat 25mg (Captopril 25mg), Số GĐKLH: GC-283-17, Số lô: A8B100; Ngày SX: 01/02/2024; HD: 01/02/2026 do Công ty TNHH Medochemie Viễn Đông sản xuất. Lý do thu hồi: Không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Định tính Captopril Disulfid (vi phạm mức độ 3).

Theo đó, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn yêu cầu các Khoa, Phòng, Trạm Y tế trực thuộc TTYT không được buôn bán, sử dụng thuốc nêu trên, đồng thời thu hồi lô thuốc không đạt chất lượng trả lại nơi cung ứng (nếu có sử dụng, kinh doanh)/.